THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 74/2013/QĐ-TTg *Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế thí điểm chuyển đổi Công ty phát triển hạ tầng khu công nghiệp hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp có thu thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

Thủ tướng Chính phủ Quyết định ban hành Quy chế thí điểm chuyển đổi Công ty phát triển hạ tầng khu công nghiệp hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp có thu thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thí điểm chuyển đổi Công ty phát triển hạ tầng khu công nghiệp hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp có thu thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2014 và áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các công ty phát triển hạ tầng khu công nghiệp hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp có thu đã có quyết định chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên của cấp có thẩm quyền trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo Đề án được duyệt.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

QUY CHẾ THÍ ĐIỂM CHUYỂN ĐỔI CÔNG TY PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP HOẠT ĐỘNG THEO MÔ HÌNH ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÓ THU THÀNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DO NHÀ NƯỚC LÀM CHỦ SỞ HỮU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 74/2013/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế thí điểm này quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục chuyển đổi Công ty phát triển hạ tầng khu công nghiệp hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp có thu (sau đây viết tắt là Công ty - ĐVSNCT) thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu (sau đây viết tắt là Công ty TNHH MTV).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Quy chế thí điểm này bao gồm:

1. Công ty - ĐVSNCT theo quy định tại Điều 9 Quy chế thí điểm này.

2. Tổ chức, cá nhân liên quan đến việc chuyển đổi Công ty - ĐVSNCT.

Điều 3. Chính sách khuyến khích chuyển đổi

1. Công ty TNHH MTV được chuyển đổi từ Công ty - ĐVSNCT được:

a) Miễn lệ phí trước bạ đối với việc chuyển tài sản thuộc quyền quản lý và sử dụng của Công ty - ĐVSNCT thành sở hữu của Công ty TNHH MTV;

b) Miễn lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi chuyển từ Công ty - ĐVSNCT thành Công ty TNHH MTV;

c) Chọn lựa trong số các tài sản thuộc quyền quản lý và sử dụng của Công ty - ĐVSNCT những thứ cần thiết cho hoạt động của Công ty TNHH MTV để đưa vào tài sản của doanh nghiệp và tính vào giá trị vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

d) Tiếp tục được nhận giao đất, thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

đ) Tiếp tục hưởng các chính sách ưu đãi về miễn giảm tiền thuê đất, ưu đãi về thuế và các ưu đãi khác mà Công ty - ĐVSNCT đang được hưởng đối với thời gian còn lại theo quy định của Nhà nước (nếu có).

2. Người lao động trong Công ty TNHH MTV được chuyển đổi từ Công ty - ĐVSNCT được:

a) Chuyển xếp lương theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Được bảo lưu hệ số lương đang hưởng cho đến khi người lao động được nâng

lên hệ số lương mới đối với các trường hợp khi chuyển xếp lương mà hệ số lương bị giảm;

b) Hưởng chính sách đối với người lao động dôi dư tại thời điểm chuyển đổi theo quy định tại Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ về chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

c) Hưởng các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty TNHH MTV được chuyển đổi từ Công ty - ĐVSNCT

1. Công ty TNHH MTV kế thừa từ Công ty - ĐVSNCT các quyền sau:

a) Làm chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp;

b) Quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản, vốn đã nhận bàn giao để tổ chức sản xuất, kinh doanh;

c) Hưởng mọi quyền lợi của Công ty - ĐVSNCT đã bàn giao và có các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty TNHH MTV kế thừa từ Công ty - ĐVSNCT các nghĩa vụ sau:

a) Duy tu bảo dưỡng các hạng mục, công trình kết cấu hạ tầng khu công nghiệp và các công trình hạ tầng phục vụ khu công nghiệp đã nhận bàn giao;

b) Sắp xếp, sử dụng lao động theo quy định của pháp luật về lao động; thực hiện chế độ đối với lao động dôi dư; kế thừa mọi nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của pháp luật về lao động;

c) Kế thừa mọi nghĩa vụ, trách nhiệm của Công ty - ĐVSNCT đã bàn giao và có các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Công ty - ĐVSNCT đang trong giai đoạn thực hiện chuyển đổi sang Công ty TNHH MTV có trách nhiệm tiếp tục cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo mức giá, phí đã được cấp có thẩm quyền quy định.

Điều 5. Chi phí chuyển đổi

1. Chi phí chuyển đổi Công ty - ĐVSNCT thành Công ty TNHH MTV được trừ vào giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty - ĐVSNCT.

2. Nội dung và mức chi phí chuyển đổi thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 6. Xử lý những vấn đề tài chính, tài sản, vốn khi chuyển đổi

1. Nguyên tắc xử lý tài chính, tài sản khi chuyển đổi

Việc xử lý vốn, tài sản, tài chính của Công ty - ĐVSNCT được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Tất cả tài sản của Công ty - ĐVSNCT khi chuyển đổi đều được tính bằng giá trị;

b) Tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công ty - ĐVSNCT phải được Công ty tiến hành kiểm kê, phân loại, xác định số lượng, đánh giá thực trạng để chuyển giao sang Công ty TNHH MTV;

c) Đối với tài sản thuê, mượn, nhận giữ hộ, nhận ký gửi, nhận góp vốn liên doanh, liên kết: Công ty - ĐVSNCT phải thống nhất với người có tài sản cho thuê, cho mượn, gửi giữ hộ, góp vốn liên doanh, liên kết để Công ty TNHH MTV tiếp tục kế thừa các hợp đồng đã ký hoặc thanh lý hợp đồng;

d) Đối với tài sản không có nhu cầu sử dụng, ứ đọng, chờ thanh lý, hao hụt, mất mát, tổn thất: Công ty - ĐVSNCT thành lập Hội đồng để làm các thủ tục thanh lý, nhượng bán theo quy định hiện hành;

đ) Đối với tài sản hao hụt, mất mát, tổn thất: Công ty - ĐVSNCT phải xác định rõ nguyên nhân, làm rõ trách nhiệm cá nhân, tập thể để yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Phần còn lại sau khi trừ giá trị đã bồi thường được bù đắp bằng quỹ dự phòng của Công ty (nếu có). Trường hợp không có nguồn để bù đắp thì được hạch toán vào kết quả kinh doanh của Công ty;

e) Đối với tài sản dôi thừa: Công ty - ĐVSNCT hạch toán tăng giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty;

g) Đối với công trình phúc lợi (nếu có): Bàn giao cho Công ty TNHH MTV tiếp tục quản lý, sử dụng để phục vụ tập thể người lao động;

h) Đối với các khoản nợ phải thu: Công ty TNHH MTV có trách nhiệm tiếp nhận kế thừa các khoản nợ phải thu và thu hồi những khoản nợ đến hạn trước khi chuyển đổi. Đến thời điểm chuyển đổi còn nợ tồn đọng phải thu khó đòi thì xử lý theo quy định hiện hành của Nhà nước về xử lý nợ tồn đọng;

i) Đối với các khoản nợ phải trả: Công ty TNHH MTV có trách nhiệm kế thừa các khoản nợ phải trả cho các chủ nợ theo cam kết, kể cả các khoản nợ thuế, ngân sách, nợ cán bộ, công nhân viên; thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các khoản nợ phải trả không có người đòi, giá trị tài sản không xác định được chủ sở hữu được tính vào giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty.

2. Giá trị tài sản và vốn nhà nước tại Công ty - ĐVSNCT được xác định theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Công ty - ĐVSNCT có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm kê, phân loại, xác định số lượng, đánh giá thực trạng những tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công ty, xử lý những vấn đề về tài chính để xác định giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty - ĐVSNCT ở thời điểm chuyển đổi.

Điều 7. Chủ sở hữu và cơ cấu tổ chức quản lý Công ty TNHH MTV được chuyển đổi từ Công ty - ĐVSNCT

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung và viết tắt là UBND cấp tỉnh) thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với Công ty TNHH MTV được chuyển đổi từ Công ty - ĐVSNCT thuộc phạm vi quản lý.

2. Căn cứ quy mô, phạm vi hoạt động của Công ty TNHH MTV được chuyển đổi từ Công ty - ĐVSNCT, UBND cấp tỉnh quyết định cơ cấu tổ chức quản lý theo mô hình Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và các Kiểm soát viên hoặc theo mô hình Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc) và các Kiểm soát viên; quyết định việc Chủ tịch công ty kiêm hoặc không kiêm Tổng giám đốc.

Điều 8. Các cơ quan liên quan đến chuyển đổi Công ty - ĐVSNCT thành Công ty TNHH MTV

1. Cơ quan cho phép chuyển đổi: Thủ tướng Chính phủ.

2. Cơ quan quyết định lập Hồ sơ đề nghị chuyển đổi (sau đây gọi tắt là Hồ sơ chuyển đổi) và đề nghị cho phép chuyển đổi: UBND cấp tỉnh.

3. Cơ quan quyết định chuyển đổi: Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

4. Cơ quan tổ chức triển khai công tác chuyển đổi: Cơ quan được Chủ tịch UBND cấp tỉnh giao nhiệm vụ tổ chức lập Hồ sơ chuyển đổi, thẩm tra Hồ sơ chuyển đổi và các nhiệm vụ liên quan khác.

5. Cơ quan đề nghị lập Hồ sơ chuyển đổi và thực hiện công tác chuyển đổi: Công ty - ĐVSNCT được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV.

6. Các tổ chức tư vấn chuyển đổi.

Chương II
ĐIỀU KIỆN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CHUYỂN ĐỔI CÔNG TY - ĐVSNCT THÀNH CÔNG TY TNHH MTV

Điều 9. Điều kiện chuyển đổi

Công ty - ĐVSNCT được xem xét chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Tự đảm bảo cân đối thu chi, ngân sách nhà nước không phải cấp bù trong 3 năm liên tiếp, tính đến thời điểm đề nghị xem xét quyết định lập Hồ sơ chuyển đổi.

2. Là chủ đầu tư ít nhất 01 khu công nghiệp (sau đây viết tắt là KCN) đã hoàn thành việc xây dựng các hạng mục, công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật cơ bản bên trong KCN (đền bù, san lấp mặt bằng; hệ thống cấp điện; hệ thống thông tin liên lạc;

hệ thống cấp, thoát nước; các trục đường chính; nhà máy xử lý nước thải) và đường vào KCN.

3. Có doanh thu từ ít nhất một trong những hoạt động sản xuất kinh doanh ngoài kinh doanh hạ tầng KCN: Sản xuất vật liệu xây dựng, thi công xây dựng công trình, làm dịch vụ tiếp nhận, vận chuyển, cho thuê kho bãi, tư vấn đầu tư hoặc các dịch vụ khác phục vụ cho sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong KCN.

4. Có tài sản chuyển giao để hình thành vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn điều lệ quy định đối với Công ty TNHH MTV khi thành lập, đồng thời không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản.

Điều 10. Trình tự chuyển đổi

1. Xem xét quyết định lập Hồ sơ chuyển đổi Công ty - ĐVSNCT thành Công ty TNHH MTV.

2. Công tác chuẩn bị chuyển đổi

Công tác chuẩn bị chuyển đổi Công ty - ĐVSNCT thành Công ty TNHH MTV gồm các nội dung sau:

a) Thành lập Ban chuyển đổi và Tổ giúp việc;

b) Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu phục vụ cho công tác chuyển đổi;

c) Thông báo cho người lao động trong Công ty - ĐVSNCT biết về kế hoạch và lộ trình chuyển đổi.

3. Tổ chức xác định giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty - ĐVSNCT

Việc xác định giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty - ĐVSNCT khi chuyển đổi gồm các nội dung sau:

a) Kiểm kê, phân loại tài sản và quyết toán tài chính, quyết toán thuế, xử lý những vấn đề về tài chính đến thời điểm xác định giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty - ĐVSNCT;

b) Tiến hành xác định giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty;

c) Thẩm tra kết quả kiểm kê, phân loại tài sản và kết quả xác định phần vốn nhà nước tại Công ty;

d) Phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty - ĐVSNCT.

4. Lập và trình duyệt Hồ sơ chuyển đổi

Việc xây dựng và trình duyệt Hồ sơ chuyển đổi Công ty - ĐVSNCT thành Công ty TNHH MTV gồm các nội dung sau:

a) Lập Hồ sơ chuyển đổi gồm:

- Tờ trình đề nghị chuyển đổi;

- Đề án chuyển đổi;

- Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV;

- Dự thảo Quyết định chuyển đổi.

b) Thẩm tra Hồ sơ chuyển đổi;

c) Thẩm định Hồ sơ chuyển đổi;

d) Hoàn thiện Hồ sơ chuyển đổi và trình Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển đổi Công ty - ĐVSNCT thành Công ty TNHH MTV;

đ) Ban hành Quyết định chuyển đổi và phê duyệt Điều lệ Công ty TNHH MTV.

5. Triển khai Quyết định chuyển đổi: Hoàn tất việc chuyển đổi Công ty - ĐVSNCT thành Công ty TNHH MTV.

Điều 11. Xem xét quyết định lập Hồ sơ chuyển đổi

1. Đề nghị xem xét quyết định lập Hồ sơ chuyển đổi

a) Cơ quan đề nghị xem xét quyết định lập Hồ sơ chuyển đổi: Công ty - ĐVSNCT;

b) Nội dung văn bản đề nghị xem xét quyết định lập Hồ sơ chuyển đổi:

- Sự cần thiết của việc chuyển đổi;

- Mục đích, yêu cầu của việc chuyển đổi;

- Giải trình về sự đáp ứng các điều kiện để thực hiện chuyển đổi theo quy định tại Quy chế thí điểm này;

- Các nội dung liên quan khác.

2. Xem xét quyết định lập Hồ sơ chuyển đổi

a) Cơ quan xem xét quyết định lập Hồ sơ chuyển đổi: UBND cấp tỉnh;

b) Nội dung xem xét: Căn cứ Điều 9 Quy chế thí điểm này và thực tế địa phương, UBND cấp tỉnh xem xét quyết định lập Hồ sơ chuyển đổi;

c) Nội dung văn bản quyết định lập Hồ sơ chuyển đổi:

- Đồng ý lập Hồ sơ chuyển đổi Công ty - ĐVSNCT thành Công ty TNHH MTV;

- Giao nhiệm vụ cho các cơ quan liên quan tổ chức triển khai lập Hồ sơ chuyển đổi.

Sau khi quyết định lập Hồ sơ chuyển đổi, UBND cấp tỉnh có văn bản báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi, tổng hợp.

Điều 12. Ban chuyển đổi và Tổ giúp việc

1. Ban chuyển đổi

a) Căn cứ quyết định của UBND cấp tỉnh về việc lập Hồ sơ chuyển đổi Công ty - ĐVSNCT, Chủ tịch UBND cấp tỉnh ra quyết định thành lập Ban chuyển đổi để

giúp Chủ tịch UBND cấp tỉnh tổ chức triển khai công tác chuyển đổi theo quy định tại Quy chế thí điểm này;

b) Thành phần Ban chuyển đổi gồm:

- Lãnh đạo UBND cấp tỉnh làm Trưởng ban;

- Phó trưởng Ban là một lãnh đạo cấp sở;

- Đại diện các đơn vị chức năng của UBND cấp tỉnh (Ban quản lý KCN và các sở, ngành liên quan) là ủy viên;

- Lãnh đạo Công ty - ĐVSNCT là ủy viên.

Số lượng và cơ cấu thành viên Ban chuyển đổi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định.

c) Quyền hạn và trách nhiệm của Ban chuyển đổi thực hiện theo quy định tại Điều 22 Quy chế thí điểm này.

2. Tổ giúp việc

a) Trưởng Ban chuyển đổi quyết định thành lập Tổ giúp việc để giúp Ban chuyển đổi thực hiện các công việc liên quan đến chuyển Công ty - ĐVSNCT thành Công ty TNHH MTV;

b) Thành phần Tổ giúp việc gồm:

- Lãnh đạo Công ty - ĐVSNCT làm Tổ trưởng;

- Kế toán trưởng hoặc Trưởng phòng kế toán là tổ viên;

- Lãnh đạo các phòng, ban chức năng của Công ty - ĐVSNCT là tổ viên;

- Một số chuyên viên của các sở, ban có lãnh đạo tham gia Ban chuyển đổi.

Số lượng và cơ cấu thành viên Tổ giúp việc do Trưởng Ban chuyển đổi quyết định.

c) Nhiệm vụ cụ thể của Tổ giúp việc do Trưởng Ban chuyển đổi quyết định.

3. Ban chuyển đổi và Tổ giúp việc tự giải thể sau khi hoàn thành việc chuyển đổi Công ty - ĐVSNCT thành Công ty TNHH MTV.

4. Chi phí hoạt động của Ban chuyển đổi và Tổ giúp việc được tính trong chi phí chuyển đổi.

Điều 13. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu phục vụ cho công tác chuyển đổi

Ban chuyển đổi có trách nhiệm chỉ đạo Công ty - ĐVSNCT chủ trì, phối hợp với Tổ giúp việc tiến hành các công việc sau:

1. Lựa chọn thời điểm xác định giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty - ĐVSNCT được đề nghị chuyển đổi phù hợp với điều kiện của Công ty.

2. Chuẩn bị đầy đủ các tài liệu sau:

a) Hồ sơ pháp lý về thành lập Công ty;

b) Hồ sơ pháp lý về tài sản của Công ty (bao gồm cả diện tích đất được giao hoặc được thuê);

c) Hồ sơ về công nợ (đặc biệt là các khoản nợ tồn đọng, các khoản nợ đã xử lý theo chế độ trước thời điểm xác định giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty - ĐVSNCT);

d) Hồ sơ về tài sản không cần dùng, vật tư, hàng hóa ứ đọng, kém, mất phẩm chất (nếu có), tài sản hình thành từ nguồn quỹ khen thưởng, phúc lợi;

đ) Hồ sơ về các công trình đầu tư xây dựng cơ bản dở dang (kể cả các công trình đã có quyết định đình hoãn);

e) Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán thuế của Công ty đến thời điểm xác định giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty - ĐVSNCT;

g) Tài liệu khác theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (nếu có).

3. Lập kế hoạch chuyển đổi và dự toán chi phí chuyển đổi theo chế độ quy định để Ban chuyển đổi thẩm định, trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt.

Điều 14. Thủ tục xác định giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty - ĐVSNCT khi chuyển đổi

1. Kiểm kê, phân loại tài sản và xử lý các vấn đề về tài chính

Công ty - ĐVSNCT có trách nhiệm:

a) Tổ chức kiểm kê, phân loại tài sản đơn vị đang quản lý, sử dụng; đồng thời tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính, quyết toán thuế đến thời điểm xác định giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty;

b) Lập phương án xử lý tài sản, tài chính, công nợ để xử lý theo thẩm quyền. Trường hợp có vướng mắc vượt quá thẩm quyền thì Công ty báo cáo Ban chuyển đổi xem xét, xử lý hoặc trình cơ quan quyết định chuyển đổi xem xét, xử lý.

2. Xác định giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty - ĐVSNCT

Công ty - ĐVSNCT phải thuê các tổ chức có chức năng định giá theo luật định (dưới đây gọi tắt là Tổ chức tư vấn định giá) thực hiện tư vấn xác định giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty khi chuyển đổi.

Ban chuyển đổi lựa chọn (hoặc đấu thầu lựa chọn) Tổ chức tư vấn định giá để giao cho Công ty - ĐVSNCT ký kết hợp đồng xác định giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty.

Trường hợp Tổ chức tư vấn định giá có chức năng thì có thể thuê trọn gói: Lập Đề án chuyển đổi Công ty - ĐVSNCT thành Công ty TNHH MTV, phân loại và kiểm kê tài sản, lập các báo cáo tài chính... và xác định giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty.

3. Thẩm tra giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty - ĐVSNCT

Ban chuyển đổi tổ chức thẩm tra kết quả kiểm kê, phân loại tài sản và kết quả xác định giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty - ĐVSNCT, báo cáo UBND cấp tỉnh và Bộ Tài chính.

4. Phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty - ĐVSNCT

Căn cứ hồ sơ thẩm tra của Ban chuyển đổi về kết quả kiểm kê, phân loại tài sản và kết quả xác định giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty, Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty - ĐVSNCT.

Việc kiểm kê, phân loại tài sản, xác định giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty - ĐVSNCT; tổ chức thẩm tra kết quả kiểm kê, phân loại tài sản và kết quả xác định giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty khi chuyển đổi thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 15. Lập Đề án chuyển đổi Công ty - ĐVSNCT thành Công ty TNHH MTV

Ban chuyển đổi chỉ đạo Công ty - ĐVSNCT chủ trì, phối hợp với Tổ giúp việc và tổ chức tư vấn (nếu có) lập Đề án chuyển đổi Công ty - ĐVSNCT thành Công ty TNHH MTV.

Đề án chuyển đổi bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Về Công ty - ĐVSNCT dự kiến được chuyển đổi

a) Giới thiệu về Công ty - ĐVSNCT, trong đó mô tả khái quát về quá trình thành lập Công ty, mô hình và cơ cấu bộ máy tổ chức của Công ty, chức năng, nhiệm vụ được giao;

b) Đánh giá thực trạng của Công ty - ĐVSNCT ở thời điểm xác định giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty - ĐVSNCT, bao gồm:

- Thực trạng về tài sản (bao gồm cả diện tích đất được giao hoặc được thuê);

- Thực trạng về tài chính, công nợ;

- Thực trạng về lao động;

- Thực trạng về năng lực sản xuất, kinh doanh;

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty trong 3 - 5 năm liền kề trước khi chuyển đổi;

- Những vấn đề cần tiếp tục xử lý.

2. Sự cần thiết và căn cứ chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV

a) Căn cứ pháp lý, sự cần thiết chuyển thành Công ty TNHH MTV;

b) Mục đích, yêu cầu của việc chuyển đổi;

c) Giải trình về sự đáp ứng các điều kiện để thực hiện chuyển đổi theo quy định tại Quy chế thí điểm này;

d) Đánh giá tác động kinh tế - xã hội và sự phù hợp của việc thành lập Công ty TNHH MTV với thực tiễn địa phương và với Phương án tổng thể sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Phương án chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV

a) Phương án tổ chức hoạt động của Công ty TNHH MTV:

- Tên gọi, mô hình tổ chức quản lý Công ty và thời hạn hoạt động;

- Phương án cơ cấu, sắp xếp lại các bộ phận trong Công ty - ĐVSNCT khi chuyển thành Công ty TNHH MTV;

- Nhiệm vụ do Nhà nước giao; ngành, nghề kinh doanh; danh mục sản phẩm, dịch vụ do Công ty cung ứng.

b) Phương án tài chính của Công ty TNHH MTV:

- Xác định vốn điều lệ (dự kiến) để có thể hoạt động, trong đó có lượng vốn điều lệ bổ sung ban đầu (nếu cần);

- Xác định nguồn và hình thức huy động số vốn còn lại ngoài nguồn vốn đầu tư ban đầu của Nhà nước; phương án hoàn trả vốn huy động;

- Nhu cầu và biện pháp tạo vốn lưu động đối với Công ty TNHH MTV.

c) Phương án sắp xếp lại lao động

- Số lao động có tên trong danh sách thường xuyên tại thời điểm quyết định phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty - ĐVSNCT;

- Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu tại thời điểm quyết định phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty - ĐVSNCT;

- Số lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động (bao gồm: Hết hạn hợp đồng lao động, tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động hoặc lý do khác theo quy định của pháp luật) tại thời điểm quyết định phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty - ĐVSNCT;

- Số lao động không bố trí được việc làm ở Công ty TNHH MTV tại thời điểm quyết định phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty - ĐVSNCT;

- Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty TNHH MTV.

d) Phương án hoạt động sản xuất, kinh doanh trong 3 - 5 năm tiếp theo, trong đó nêu rõ:

- Tình hình thị trường, nhu cầu và triển vọng thị trường về từng loại sản phẩm, dịch vụ do Công ty cung ứng; công nghệ dự kiến áp dụng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh;

- Khả năng cung ứng nguồn lao động, nguyên liệu, vật liệu, năng lượng, công nghệ và các điều kiện cần thiết khác để Công ty hoạt động sau khi thành lập;

- Kế hoạch sản xuất, kinh doanh của các năm tiếp theo về sản phẩm, sản lượng, thị trường, lợi nhuận... và các giải pháp về vốn, nguyên liệu, tổ chức sản xuất, lao động, tiền lương...

- Phương án phát triển ngành nghề kinh doanh; đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh.

đ) Phương án sử dụng đất

Đối với diện tích đất Công ty - ĐVSNCT đang sử dụng để xây trụ sở, văn phòng, kể cả đất đã được Nhà nước giao có thu tiền hoặc không thu tiền sử dụng đất, Công ty có trách nhiệm xây dựng phương án sử dụng đất trình cơ quan quyết định chuyển đổi xem xét, quyết định;

e) Các kiến nghị.

Điều 16. Dự thảo Điều lệ Công ty TNHH MTV

1. Ban chuyển đổi chỉ đạo Công ty - ĐVSNCT chủ trì, phối hợp với Tổ giúp việc và tổ chức tư vấn (nếu có) dự thảo Điều lệ Công ty TNHH MTV.

2. Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ, trụ sở chính của Công ty; hình thức pháp lý, tư cách pháp nhân của Công ty; chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có);

b) Mục tiêu hoạt động; nhiệm vụ do Nhà nước giao và ngành nghề kinh doanh;

c) Vốn điều lệ, cách thức điều chỉnh vốn điều lệ;

d) Người đại diện theo pháp luật của Công ty;

đ) Quyền, nghĩa vụ của Công ty;

e) Quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước và phân công, phân cấp thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với Công ty;

g) Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty;

h) Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên và các chức danh quản lý khác của Công ty; mối quan hệ giữa Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty với Tổng Giám đốc;

i) Cơ chế hoạt động tài chính, nguyên tắc sử dụng lợi nhuận và xử lý lỗ trong kinh doanh của Công ty; căn cứ và phương pháp xác định thù lao, tiền lương và thưởng cho người quản lý và Kiểm soát viên;

k) Các trường hợp tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu và thủ tục thanh lý tài sản của Công ty;

l) Thể thức thông qua quyết định của Công ty; nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ;

m) Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty;

n) Các quy định khác do UBND cấp tỉnh quyết định nhưng không được trái với quy định của pháp luật.

Điều 17. Lấy ý kiến của các cơ quan chức năng cấp tỉnh

1. Công ty - ĐVSNCT gửi Hồ sơ chuyển đổi được quy định ở Điểm a, Khoản 4, Điều 10 Quy chế thí điểm này đến Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ, Ban đổi mới doanh nghiệp tỉnh, Ban quản lý các KCN tỉnh và các cơ quan chức năng khác nếu có yêu cầu của Chủ tịch UBND cấp tỉnh để lấy ý kiến về Hồ sơ chuyển đổi bằng văn bản.

Hồ sơ gửi lấy ý kiến là hồ sơ gốc.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Hồ sơ chuyển đổi, các cơ quan liên quan có văn bản gửi Công ty - ĐVSNCT để tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình.

Nếu cơ quan được lấy ý kiến về Hồ sơ chuyển đổi thấy còn có những vấn đề chưa rõ hoặc có ý kiến khác nhau thì yêu cầu Công ty - ĐVSNCT giải trình thêm hoặc theo ủy quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh họp với Công ty - ĐVSNCT và các cơ quan có liên quan để làm rõ và báo cáo Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Trong trường hợp này, thời hạn phải có ý kiến bằng văn bản cũng không được quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Hồ sơ chuyển đổi.

3. Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến góp ý bằng văn bản của các cơ quan liên quan, Công ty - ĐVSNCT chủ trì, phối hợp với Tổ giúp việc tiếp thu ý kiến của các cơ quan chức năng, hoàn chỉnh Hồ sơ chuyển đổi.

Điều 18. Thẩm tra Hồ sơ chuyển đổi

1. Cơ quan chủ trì thẩm tra: Ban chuyển đổi.

2. Cơ quan tham gia ý kiến thẩm tra: Các cơ quan chức năng cấp tỉnh theo quy định tại Khoản 1, Điều 17 Quy chế thí điểm này.

3. Hồ sơ phục vụ thẩm tra

Hồ sơ phục vụ thẩm tra bao gồm:

a) Hồ sơ chuyển đổi;

b) Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan chức năng cấp tỉnh có liên quan về Hồ sơ chuyển đổi Công ty - ĐVSNCT thành Công ty TNHH MTV;

c) Báo cáo giải trình việc tiếp thu ý kiến của các cơ quan chức năng cấp tỉnh có liên quan; những vấn đề còn có ý kiến khác nhau; những vấn đề cần xin ý kiến Chủ

tịch UBND cấp tỉnh và báo cáo bổ sung theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (nếu có);

Báo cáo này do Công ty - ĐVSNCT chủ trì, phối hợp với Tổ giúp việc lập để trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh và do Giám đốc Công ty - ĐVSNCT ký, đóng dấu.

d) Báo cáo tài chính, hồ sơ liên quan đến kiểm kê tài sản, xử lý những vấn đề về tài chính và tổ chức xác định, thẩm tra, phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty - ĐVSNCT;

đ) Tài liệu khác theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (nếu có).

4. Nội dung thẩm tra

Cơ quan thẩm tra xem xét, rà soát về sự chính xác, đồng bộ và đầy đủ của Hồ sơ chuyển đổi, do Công ty - ĐVSNCT lập, tập trung vào các nội dung chính sau đây:

a) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý của việc chuyển đổi Công ty - ĐVSNCT thành Công ty TNHH MTV;

b) Mục tiêu của việc chuyển đổi;

c) Nội dung và tính khả thi của Đề án chuyển đổi;

d) Hồ sơ thủ tục chuyển đổi theo quy định;

đ) Mô hình, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV;

e) Điều kiện bảo đảm hoạt động của Công ty TNHH MTV (vốn điều lệ; phương án sản xuất, kinh doanh...);

g) Các đề xuất, kiến nghị của Công ty - ĐVSNCT được chuyển đổi.

5. Hồ sơ thẩm tra

Hồ sơ thẩm tra bao gồm:

a) Văn bản thẩm tra về dự thảo Quyết định, Tờ trình đề nghị chuyển đổi, Đề án chuyển đổi, dự thảo Điều lệ Công ty THHH MTV;

Văn bản thẩm tra do Trưởng Ban chuyển đổi ký. Nội dung của văn bản thẩm tra phải đảm bảo đủ cơ sở để kiến nghị UBND cấp tỉnh quyết định 1 trong 2 trường hợp sau:

- Tổ chức thẩm định Hồ sơ chuyển đổi, trình Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển đổi;

- Chưa tổ chức thẩm định Hồ sơ chuyển đổi, cần nghiên cứu thêm một số vấn đề.

b) Đối với trường hợp Cơ quan thẩm tra kiến nghị UBND cấp tỉnh tổ chức thẩm định Hồ sơ chuyển đổi, Hồ sơ thẩm tra bao gồm Hồ sơ chuyển đổi đã được chỉnh sửa, bổ sung theo sự chuẩn bị của Cơ quan thẩm tra (nếu có).

6. Thời hạn thẩm tra

Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng thủ tục, cơ quan thẩm tra phải hoàn tất văn bản thẩm tra.

Điều 19. Thẩm định Hồ sơ chuyển đổi, trình Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển đổi

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có Hồ sơ thẩm tra, UBND cấp tỉnh chủ trì tổ chức lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ về Hồ sơ chuyển đổi.

Hồ sơ gửi lấy ý kiến là hồ sơ gốc.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Hồ sơ chuyển đổi, các cơ quan liên quan có văn bản gửi UBND cấp tỉnh để tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của các cơ quan liên quan, UBND cấp tỉnh lập báo cáo thẩm định, giải trình việc tiếp thu ý kiến của các cơ quan liên quan, hoàn thiện Hồ sơ chuyển đổi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Đề án chuyển đổi.

4. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án chuyển đổi, Chủ tịch UBND cấp tỉnh ban hành Quyết định chuyển đổi.

Điều 20. Quyết định chuyển đổi

1. Căn cứ văn bản phê duyệt Đề án chuyển đổi của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định việc chuyển đổi Công ty - ĐVSNCT thành Công ty TNHH MTV và phê duyệt Điều lệ Công ty TNHH MTV.

2. Hình thức văn bản và nội dung Quyết định chuyển đổi.

a) Hình thức văn bản: Quyết định của Chủ tịch UBND cấp tỉnh về việc chuyển Công ty - ĐVSNCT thành Công ty TNHH MTV;

b) Quyết định chuyển đổi bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Chuyển Công ty - ĐVSNCT thành Công ty TNHH MTV;

- Tên Công ty TNHH MTV, bao gồm tên đầy đủ bằng tiếng Việt, tên bằng tiếng nước ngoài, tên viết tắt (nếu có);

- Địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

- Nhiệm vụ do Nhà nước giao; ngành, nghề kinh doanh;

- Vốn điều lệ;

- Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của công ty;

- Tên, địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có);

- Phương án sắp xếp lao động theo các nội dung quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 15 Quy chế thí điểm này;

- Trách nhiệm phê duyệt và thực hiện quyết toán chi phí chuyển đổi, kinh phí trợ cấp lao động dôi dư;

- Trách nhiệm điều hành, quản lý Công ty - ĐVSNCT cho đến khi bàn giao toàn bộ tài sản, tiền vốn, lao động... cho Công ty TNHH MTV;

- Trách nhiệm của Công ty TNHH MTV đối với việc kế thừa các quyền, nghĩa vụ và xử lý các vấn đề tồn tại và phát sinh của Công ty - ĐVSNCT.

Điều 21. Triển khai thực hiện Quyết định chuyển đổi

Triển khai thực hiện Quyết định chuyển đổi Công ty - ĐVSNCT thành Công ty TNHH MTV gồm các việc sau đây:

1. Bổ nhiệm Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên Công ty hoặc Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Kiểm soát viên.

2. Đăng ký doanh nghiệp

Công ty TNHH MTV thực hiện đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải kèm theo Quyết định chuyển đổi.

3. Nộp con dấu của Công ty - ĐVSNCT và xin khắc dấu của Công ty TNHH MTV theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Lập báo cáo tài chính tại thời điểm Công ty TNHH MTV được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, thực hiện quyết toán thuế, quyết toán chi phí chuyển đổi, báo cáo Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

5. Đăng ký lại quyền sở hữu tài sản

Sau thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đối với tài sản được chuyển giao từ Công ty - ĐVSNCT sang, Công ty TNHH MTV phải làm thủ tục đăng ký lại quyền sở hữu tài sản tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Việc đăng ký lại quyền sở hữu tài sản không phải chịu lệ phí trước bạ.

6. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển đổi, Công ty - ĐVSNCT phải gửi Quyết định chuyển đổi đến các chủ nợ và thông báo cho người lao động trong Công ty - ĐVSNCT.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Quyền hạn và trách nhiệm trong tổ chức thực hiện chuyển đổi Công ty - ĐVSNCT thành Công ty TNHH MTV

1. Chủ tịch UBND cấp tỉnh, căn cứ quyết định của UBND cấp tỉnh về việc lập Hồ sơ chuyển đổi Công ty - ĐVSNCT thành Công ty TNHH MTV, triển khai:

a) Thành lập Ban chuyển đổi Công ty - ĐVSNCT thành Công ty TNHH MTV để giúp tổ chức triển khai công tác chuyển đổi theo quy định tại Quy chế thí điểm này;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát quá trình chuyển đổi các Công ty - ĐVSNCT thuộc phạm vi quản lý theo nội dung quy định tại Quy chế thí điểm này;

c) Phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty - ĐVSNCT; quyết định chuyển đổi Công ty - ĐVSNCT thuộc phạm vi quản lý và phê duyệt Điều lệ Công ty TNHH MTV;

d) Quyết định phê duyệt quyết toán tài chính; quyết toán chi phí chuyển đổi; quyết toán kinh phí hỗ trợ người lao động dôi dư;

đ) Theo dõi và giải quyết kịp thời theo thẩm quyền những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện chuyển đổi.

2. Ban chuyển đổi có các quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a) Giúp Chủ tịch UBND cấp tỉnh chỉ đạo và tổ chức thực hiện chuyển đổi Công ty - ĐVSNCT thành Công ty TNHH MTV theo quy định tại Quy chế thí điểm này;

b) Được sử dụng con dấu của UBND cấp tỉnh trong khi thực hiện nhiệm vụ;

c) Thành lập Tổ giúp việc để triển khai chuyển đổi Công ty - ĐVSNCT thành Công ty TNHH MTV;

d) Tổ chức xây dựng Đề án chuyển đổi và dự thảo Điều lệ lần đầu của Công ty TNHH MTV;

đ) Thẩm tra và trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty - ĐVSNCT;

e) Thẩm tra Hồ sơ chuyển đổi, báo cáo UBND cấp tỉnh tổ chức thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển đổi; hoàn thiện Hồ sơ chuyển đổi trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định chuyển đổi Công ty - ĐVSNCT thành Công ty TNHH MTV;

g) Quyền hạn và trách nhiệm khác do Chủ tịch UBND cấp tỉnh giao.

Điều 23. Chế độ báo cáo và kiểm tra, giám sát

Chủ tịch UBND cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo kịp thời về UBND cấp tỉnh, Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính các nội dung có liên quan trong quá trình chuyển đổi: Kết quả xử lý các tồn tại về tài chính, kết quả xác định và phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước tại Công ty - ĐVSNCT, quyết toán chi phí chuyển đổi, quyết toán bàn giao từ Công ty - ĐVSNCT sang Công ty TNHH MTV.

Điều 24. Trách nhiệm của UBND cấp tỉnh

1. Giải quyết các vướng mắc, khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc chuyển đổi Công ty - ĐVSNCT thành Công ty TNHH MTV theo thẩm quyền; trường hợp vượt quá thẩm quyền xử lý thì phối hợp với các Bộ, ngành chức năng để thống nhất giải quyết.

2. Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện Quy chế thí điểm chuyển đổi Công ty - ĐVSNCT thành Công ty TNHH MTV tại địa phương mình, tổng hợp gửi Bộ Kế hoạnh và Đầu tư.

Điều 25. Trách nhiệm của các Bộ, ngành

Các Bộ Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư chịu tránh nhiệm hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện Quy chế thí điểm chuyển đổi Công ty - ĐVSNCT thành Công ty TNHH MTV tại các địa phương, cụ thể như sau:

1. Bộ Tài chính chịu tránh nhiệm hướng dẫn thực hiện việc xử lý các vấn đề về tài chính khi chuyển đổi Công ty - ĐVSNCT thành Công ty TNHH MTV.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu tránh nhiệm hướng dẫn thực hiện việc xử lý các vấn đề về lao động và tiền lương khi chuyển đổi.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan theo dõi, tổng kết, đánh giá việc thực hiện Quy chế thí điểm chuyển đổi Công ty - ĐVSNCT thành Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu, báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng